

Biểu số 003.N/BCB-YT
Ban hành kèm theo Nghị định
số 139/2026/NĐ-CP ngày
07/4/2026
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 20 tháng 4 năm kế tiếp
sau năm báo cáo

**TỶ LỆ TRẺ EM DƯỚI 05
TUỔI SUY DINH DƯỠNG**

Năm ...

Đơn vị báo cáo:
Bộ Y tế
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê, Bộ Tài
chính

Đơn vị tính: %

	Mã số	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng		
		Thể nhẹ cân	Thể thấp còi	Thể gầy còm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
Tổng số	01			
1. Chia theo giới tính				
- Nam	02			
- Nữ	03			
2. Chia theo dân tộc				
- Kinh	04			
- Khác	05			
3. Chia theo tháng tuổi				
0-<6 tháng	06			
6-<12 tháng	07			
12-<24 tháng	08			
24-<36 tháng	09			
36-<48 tháng	10			
48-<60 tháng	11			
4. Chia theo mức độ				
- Mức độ vừa	12			
- Mức độ nặng	13			
5. Chia theo thành thị/ nông thôn				
- Thành thị	14			

- Nông thôn	15			
Trong đó: Nông thôn miền núi	16			
6. Chia theo vùng kinh tế - xã hội				
- Vùng đồng bằng sông Hồng	17			
- Vùng trung du và miền núi phía Bắc				
- Vùng Bắc Trung Bộ				
- Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên				
- Vùng Đông Nam Bộ				
- Vùng đồng bằng sông Cửu Long				
7. Chia theo tỉnh/thành phố				
<i>(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam)</i>				
- Hà Nội				
...				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 003.N/BCB-YT: Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng là số trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng (SDD) 1 trong 3 thể, hoặc nhẹ cân, thấp còi hay gầy còm tính trên tổng số trẻ em dưới 5 tuổi được cân đo trên địa bàn (tỉnh/huyện/xã) tại thời điểm điều tra.

Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân được xác định bởi chỉ số cân nặng theo tuổi nhỏ hơn trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể chuẩn theo giới của Tổ chức Y tế Thế giới.

Suy dinh dưỡng thể thấp còi được xác định bởi chỉ số chiều cao theo tuổi nhỏ hơn trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể chuẩn theo giới của Tổ chức Y tế Thế giới.

Suy dinh dưỡng thể gầy còm được xác định bởi chỉ số cân nặng theo chiều cao nhỏ hơn trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của cân nặng trung vị của quần thể chuẩn theo giới của Tổ chức Y tế Thế giới.

Theo các tiêu chuẩn của Quần thể tham khảo WHO 2006, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 05 tuổi thể nhẹ cân, thấp còi và gầy còm được phân loại khi Zscore cân nặng theo tuổi, chiều cao theo tuổi và cân nặng (WAZ, HAZ, WHZ) ở ngưỡng như sau:

Chỉ số Z-score cân nặng theo tuổi (WAZ):

Z-score < -3: SDD thể nhẹ cân mức độ nặng

$-3 \leq \text{Z-score} < -2$: SDD thể nhẹ cân mức độ vừa

Z-score ≥ -2 : Trẻ bình thường

Chỉ số Z-score chiều cao theo tuổi (HAZ):

Z-score < -3: SDD thể thấp còi mức độ nặng

$-3 \leq \text{Z-score} < -2$: SDD thể thấp còi mức độ vừa

Z-score ≥ -2 : Trẻ bình thường

Chỉ số Z-score cân nặng theo chiều cao theo tuổi (WHZ):

Z-score < -3: SDD thể gầy còm mức độ nặng

$-3 \leq \text{Z-score} < -2$: SDD thể gầy còm mức độ vừa

$-2 \leq \text{Z-score} < 1$: Trẻ bình thường

$1 < \text{Z-score} \leq 2$: Trẻ nguy cơ thừa cân

$2 < \text{Z-score} \leq 3$: Trẻ thừa cân

Z-score > 3: Trẻ béo phì

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân}}{\text{Tổng số trẻ em dưới 05 tuổi được cân}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi}}{\text{Tổng số trẻ em dưới 05 tuổi được đo chiều cao}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm (\%)} = \frac{\text{Số trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể gầy còm}}{\text{Tổng số trẻ em dưới 05 tuổi được cân và đo chiều cao}} \times 100$$

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 2: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 3: Ghi tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm tương ứng với các dòng của cột A.
- Thời điểm, thời kỳ số liệu: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

- Tổng hợp từ điều tra dinh dưỡng do Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành hằng năm;
- Tổng hợp từ điều tra vùng sinh thái do Viện Dinh dưỡng tiến hành hằng năm;
- Tổng hợp từ Tổng điều tra Toàn quốc do Viện Dinh dưỡng tiến hành 5 năm và 10 năm.